

Số: 604 /CNBT-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

V/v ký kết Bản thoả thuận và Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 và kỳ 3/2017 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 04 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**
(Mã chứng khoán: BTW)

2. Trụ sở chính : 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

3. Điện thoại : (08) 38 297 147 – 38 272 990

4. Fax : (08) 38 229 778

5. Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên : NGUYỄN THÀNH PHÚC – Giám đốc Công ty
- Địa chỉ : 611/57E Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại :
 - + Di động : 0913 926 614
 - + Cơ quan : (08) 38 234 723
- Fax : (08) 38 229 778

6. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết số 033/NQ-CNBT-HĐQT ngày 27/3/2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã chấp thuận cho Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thực hiện việc ký Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017; Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 3/2017 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 04 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành).

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành vào ngày 27/3/2017 tại đường dẫn: www.capnuocbenthanh.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* **Đính kèm:** Nghị quyết số 033/NQ-CNBT-HĐQT ngày 27/3/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu (VT, TC-HC).

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THÀNH PHÚC

Số: **033** /NQ-CNBT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng 3 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017; Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 033/CNBT-HĐQT ngày 21/9/2007 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 12/4/2016;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Hội đồng quản trị thông qua ngày 26/10/2016;

Xét Tờ trình số 021/TTr-CNBT-KTTC ngày 15/3/2017 của Giám đốc Công ty về việc xin ý kiến để ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017; Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị tại Phiên họp thứ 19 (Nhiệm kỳ 2012 – 2017) vào ngày 16/3/2017,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 02 năm 2017, Bản thoả thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 với 02 đơn giá, theo đề nghị tại Tờ trình số 021/TTr-CNBT-KTTC ngày 15/3/2017 của Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

1. Đơn giá 01: **5.216,63 đồng/m³** của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định.

2. Đơn giá 02: được tính bằng 70% giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Công ty xác định của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng, được xem là đồng hồ tổng, đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có).

Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp thứ 19 (Nhiệm kỳ 2012 – 2017)

Điều 2. Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch các kỳ kế tiếp, theo đúng nội dung Bản thoả thuận về việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 với đơn giá đã được nêu tại mục 1 (phần đề nghị phê duyệt) như trên. Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về nội dung hợp đồng, đơn giá mua bán, Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN;
- Các phòng, ban, đội Công ty;
- Lưu (VT, HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN CÔNG THANH

Số: 021 /TTr-CNBT-KTTC

Tp.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến để ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017; Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 03 năm 2017.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

Từ đầu năm đến nay (từ kỳ 01 đến kỳ 02 năm 2017), Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (Công ty) đã ký các hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Tổng Công ty) với đơn giá bán tạm tính là 4.693,43 đồng/m³.

Tuy nhiên, ngày 10/3/2017 Tổng Công ty gửi Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017; Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 03/2017 điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch năm 2017, với các nội dung như sau:

1. Về lý do điều chỉnh.

Giá nước bán ra cho khách hàng tuy đã được Tổng Công ty trình Hội đồng nhân dân thành phố để tăng giá, nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được phê duyệt; trong thời gian chờ đợi tăng giá nước, để cân đối hài hoà lợi nhuận giữa Công ty mẹ (Tổng Công ty) và Công ty con (Công ty) cùng đạt được lợi nhuận định mức trên vốn chủ sở hữu tương đương nhau nên Tổng Công ty điều chỉnh đơn giá bán si nước sạch.

Mặt khác, Tổng Công ty xác định, để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng Công ty đã được Hội đồng thành viên thông qua; hai bên cùng thoả thuận điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch năm 2017 từ mức giá cũ là 4.693,43 đồng/m³ lên mức giá mới là 5.216,63 đồng/m³, tăng 523,2 đồng/m³.

2. Về nội dung điều chỉnh:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch trong năm 2017 tiếp tục kế thừa các nội dung đã được thể hiện trong Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2016, gồm có 10 điều; tuy nhiên, hai bên thỏa thuận điều chỉnh 02 điều, đó là, Điều 1- Khối lượng nước sạch mua bán và Điều 4 - Đơn giá mua bán, các điều còn lại được giữ nguyên; các Điều được điều chỉnh cụ thể là:

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
Điều 1: Khối lượng nước mua bán.	1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục I của Hợp đồng này.	1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
	<p>Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B. - Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A. - Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua hai loại đồng hồ tổng trên. <p>1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:</p> <p>1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.</p> <p>1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.</p> <p>1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.</p> <p>1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.</p>	<p>nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (nếu có) của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:</p> <p>1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.</p> <p>1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.</p> <p>1.1.3 <u>Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:</u></p> <p>1.1.3.1. <u>Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.</u></p> <p>1.1.3.2. <u>Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).</u></p> <p>1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:</p> <p>1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.</p> <p>1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.</p> <p>1.2.3 Trong trường hợp một</p>

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
	<p>1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.</p> <p>1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.</p> <p>1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn 4.000.000 m³ (bốn triệu mét khối).</p> <p>Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.</p>	<p>hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.</p> <p>1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.</p> <p>1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.</p> <p>1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.</p> <p>1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn 4.000.000 m³ (bốn triệu mét khối).</p> <p>Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.</p>
<p>Điều 4: Đơn giá mua bán</p>	<p>Đơn giá mua bán là 4.693,43 đồng/m³.</p> <p>Đơn giá nêu trên chưa bao gồm</p>	<p>4.1 <u>Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều</u></p>

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
	<p>thuế giá trị gia tăng</p> <p>Đơn giá này sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p><u>1 của hợp đồng này là 5.216,63 đồng/m³.</u></p> <p>4.2 <u>Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.</u></p> <p>4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p><u>Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.</u></p>

* Ghi chú: Bên A – Tổng Công ty; Bên B – Công ty.

Những nội dung thay đổi trong bản Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017, có tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính của Công ty đồng thời ảnh hưởng quan trọng đến kết quả lợi nhuận của Công ty trong năm 2017.

Căn cứ các quy định hiện hành:

- Theo khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội quy định “ *Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:*

+ *Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% trong số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;*”.

- Tại khoản 5 Điều 23 Thông tư 121/2012TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty đại chúng có nêu “*Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định*”.

Theo các quy định trên, việc ký Bản thoả thuận, Hợp đồng và các Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 giữa Công ty và Tổng Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, trong đó các thành viên Hội đồng quản trị là người có liên quan không được tham gia biểu quyết.

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty nhưng vẫn tuân thủ các quy định hiện hành, Giám đốc Công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét:

1. Phê duyệt đề Giám đốc Công ty triển khai ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 02 năm 2017, Bản thoả thuận và Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 3 năm 2017 với 02 đơn giá:

a- Đơn giá 01: **5.216,63 đồng/m³** của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định.

b- Đơn giá 02: được tính bằng 70% giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Công ty xác định của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng, được xem là đồng hồ tổng, đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có).

2. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch các kỳ kế tiếp, theo đúng nội dung Bản thoả thuận về việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 với đơn giá được nêu tại mục 1 (phần đề nghị phê duyệt) như trên.

Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về đơn giá mua bán, Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Trân trọng kính trình.

Hồ sơ đính kèm tờ trình:

- Công văn số 1215/TCT-KDDVKH ngày 10/3/2017 của Tổng Công ty về Hợp đồng mua bán si nước sạch giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Dự thảo Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu (VT, P.KTTC).



NGUYỄN THÀNH PHÚC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : **1215** / TCT-KDDVKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Về hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017
giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành**

Hiện nay, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Quý Công ty đang thực hiện Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 với đơn giá tạm tính như đơn giá của hợp đồng năm 2016.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2017 và Nghị quyết số 11/NQ-TCT-HĐTV ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng thành viên về đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 giữa Tổng Công ty (Công ty mẹ) với các Công ty Cổ phần Cấp nước, Tổng Công ty đã xây dựng đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 và những năm tiếp theo trong điều kiện giá nước bán lẻ chưa được điều chỉnh. Theo đó, cách tính đơn giá cho khối lượng nước sạch mua bán năm 2017 có thay đổi so với trước đây.

Nay Tổng Công ty gửi đến Quý Công ty Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 (đính kèm 02 bản) để xem xét thống nhất ký kết, làm cơ sở cho việc thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 và điều chỉnh các hợp đồng với đơn giá tạm tính năm 2017.

Sau khi tiến hành ký kết, đề nghị Quý Công ty gửi Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 về Tổng Công ty (Phòng Kinh doanh – Dịch vụ khách hàng) trước ngày 22 tháng 3 năm 2017.

Tổng Công ty rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.KTTC (để biết);
- Lưu: VT, KDDVKH, T3M.



Nguyễn Thanh Sử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:

Ông: **Nguyễn Thành Phúc**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017 như sau:

I. VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch trong năm 2017 tiếp tục kế thừa các nội dung đã được thể hiện trong các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2016, bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước sạch mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

Trong đó điều khoản được điều chỉnh trong năm 2017 là khối lượng nước sạch mua bán và đơn giá mua bán.

II. VỀ KHỐI LƯỢNG NƯỚC SẠCH MUA BÁN:

Hai bên thống nhất khối lượng nước sạch mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

1. Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục 1).
2. Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục 1).
3. Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục 1).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

III. VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục 1) là **5.216,63 đồng/m³**.
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
2. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
3. Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

IV. THỎA THUẬN CHUNG:

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017, nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng bàn bạc, thương thảo để hài hòa lợi ích chung của các bên.
- Đối với các hợp đồng năm 2017 đang tạm tính đơn giá như năm 2016, hai bên thống nhất sẽ lập Phụ lục hợp đồng điều chỉnh lại cho phù hợp như thỏa thuận này.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC BÊN THÀNH

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

PHỤ LỤC 1

Danh sách đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Hiệu	Cỡ	Mã vị trí	Vị trí
1	AQM	300	pt1001_3K01	Vong xoay Dan chu
2	ISO	300	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP (THD-N
3	AQM	300	sg1002	328 ter Tran Hung Dao
4	AQM	350	sg1003	243 CMT8 (Café Trung Nguyen)
5	SIE	300	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du(So thu)
6	ISO	300	sg1005	15 Pasteur
7	AQM	500	sg1006	81 Nguyen Cong Tru
8	AQP	500	sg1007	6 Pasteur
9	AQM	350	sg1009	82 Ho Hao Hon
10	ISO	300	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
11	AQP	450	sg1011	Cua hang xang dau goc VTS - Pasteur
12	ISO	400	sg1012	246B Pasteur
13	AQM	250	sg1016	Sai Gon Center
14	ISO	300	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
15	ISO	300	sg1018	Vo thi Sau - Truong Dinh
16	AQM	250	sg1019	7 Nguyen Thi Minh Khai
17	AQM	250	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
18	AQM	200	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M Khai
19	AQM	250	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
20	AQM	250	sg1023	2 Le Thanh Ton
21	AQM	250	sg1024	Le Thanh Ton - Ton Duc Thang
22	AQM	250	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
23	AQM	250	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
24	AQM	250	sg1029	Cong Truong Dan Chu
25	AQM	300	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
26	AQM	250	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
27	AQM	300	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
28	AQM	250	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
29	AQP	500	sg1036	165 Pasteur
30	ISO	400	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
31	AQM	250	sg1038	VTS - Nam Ky K Nghia (3F02B)
32	AQP	500	sg1039	Doi dien 246C Pasteur
33	AQM	250	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
34	AQM	150	sg1042	Le Loi - Nguyen Trung Truc
35	AQM	300	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
36	AQM	250	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
37	AQM	250	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)

2. Đồng hồ tổng tách mạng

<i>STT</i>	<i>Hiệu</i>	<i>Cỡ</i>	<i>Mã vị trí</i>	<i>Vị trí</i>
38	AQM	200	cl2008	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 1
39	AQM	200	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
40	AQM	500	gd2010	2C Phan Dinh Phung , P2 PN
41	AQM	300	nb2008	Ben Van Don - Nguyen Khoai
42	AQM	300	nb2010	65 Ben Van Don
43	AQM	300	nb2011	90 Ben Van Don
44	AQM	300	pt2004	Hem 270 Ly Thai To
45	AQM	300	pt2005	DBP - Cao Thang
46	AQM	450	sg2002	198 Tran Quoc Thao (Cau L.V. Sy)
47	AQM	200	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
48	AQM	200	sg2005	Hem 166 Ly Thai To (3A02B)
49	AQM	150	sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)
50	AQM	250	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
51	AQM	600	sg2026	Nam ky khoi nghia - Cau Cong Ly
52	AQM	250	sg2027_3L11	CMT8 - Chan Hung (3L12)
53	ISO	100	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 3 năm 2017

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:

Ông: **Nguyễn Thành Phúc**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 3 năm 2017 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I/ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II/ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 20 của mỗi tháng thông qua việc đọc số các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A.
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng.
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_1^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy không ổn định (chỉ số bất thường) sẽ được tính trung bình tối đa 03 kỳ ổn định trước đó hoặc theo thỏa thuận giữa các bên:

- + Giữa Bên A và Bên B nếu là đồng hồ tổng nguồn;
- + Giữa Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch của Bên A nếu là đồng hồ tổng tách mạng giữa Bên B và Bên thứ ba;
- + Giữa Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng nước nếu là đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ 2 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 20 hàng tháng. Nếu ngày 20 hàng tháng trùng vào ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày lễ thì sẽ đọc số vào ngày liền kề sau đó.

III/ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 3 năm 2017 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định là **5.216,63 đồng/m³**.

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 2. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 3. Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
 - + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
 - + Đợt 2: Sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

(QUA ĐỒNG HỒ TỔNG)

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Bản thỏa thuận ngày __/__/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành về *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 3 năm 2017*.
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày __ tháng __ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Giấy ủy quyền : số 7865/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 30/12/2016 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Thành Phúc** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 3 năm 2017 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (nếu có) của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ

tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.

- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **4.000.000 m³** (bốn triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

- 2.1.3 Trường hợp có một hoặc nhiều đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được tính là trung bình 03 (ba) kỳ ổn định liền kề trước đó của đồng hồ tổng nguồn hoặc đồng hồ tổng tách mạng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên khi:

Đồng hồ tổng nguồn gặp sự cố hoặc chạy bất thường, thì bên A và bên B sẽ cùng thỏa thuận khối lượng nước mua bán.

Đồng hồ tổng tách mạng gặp sự cố hoặc chạy bất thường, thì bên A, Bên B sẽ cùng thỏa thuận với Bên thứ ba có sử dụng chung

nguồn nước, chung đồng tổng đo đếm lượng nước mua bán do Bên A cung cấp.

Việc tính trung bình hoặc thỏa thuận khối lượng nước mua bán khi các đồng hồ tổng gặp sự cố phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

Trong thời gian sớm nhất nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hai bên tính toán khối lượng nước mua bán như được quy định tại Khoản 2.1.2 điều này, thì bên A phải tiến hành thay thế các đồng hồ hư hỏng hoặc chạy bất thường. Trường hợp trong thời gian 10 ngày làm việc mà Bên A chưa thay thế kịp các đồng hồ bị hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì hai bên sẽ cùng thỏa thuận để tính toán khối lượng nước mua bán.

- 2.1.4 Trường hợp có một hoặc nhiều đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được tính trên cơ sở sản lượng nước trung bình do Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng đồng hồ nước này thỏa thuận theo quy định.

Việc tính trung bình hoặc thỏa thuận khối lượng nước mua bán khi các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng gặp sự cố hoặc chạy bất thường phải được lập thành Biên bản giữa Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng đồng hồ nước này để làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

Trong thời gian sớm nhất nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hai bên tính toán khối lượng nước mua bán như được quy định tại khoản 2.1.3 điều này, Bên A phải tiến hành thay thế các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp trong thời gian 10 ngày làm việc mà Bên A chưa thay thế kịp các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng bị hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì hai bên sẽ cùng thỏa thuận để tính toán lượng nước mua bán như được nêu tại điều này.

- 2.1.5 Nếu các đợt kiểm tra được tiến hành theo đúng Khoản 1.2 Điều 1 cho thấy các đồng hồ tổng báo số sai thì khối lượng mua bán sẽ được xác định như Khoản 2.1.3, 2.1.4 của điều này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

- 3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm Thông tư số 04/2009/TT-BYT, ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **5.216,63 đồng/m³**.

4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4.4 Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Thanh toán.

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:

- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 4).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 5).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
 - 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
 - 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
 - 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.

- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xử lý xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xử lý xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy

định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình ma vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước kỳ 3 năm 2017.

9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

<i>STT</i>	<i>Hiệu</i>	<i>Cỡ</i>	<i>Mã vị trí</i>	<i>Vị trí</i>
1	AQM	300	pt1001_3K01	Vong xoay Dan chu
2	ISO	300	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP (THD-N
3	AQM	300	sg1002	328 ter Tran Hung Dao
4	AQM	350	sg1003	243 CMT8 (Café Trung Nguyen)
5	SIE	300	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du(So thu)
6	ISO	300	sg1005	15 Pasteur
7	AQM	500	sg1006	81 Nguyen Cong Tru
8	AQP	500	sg1007	6 Pasteur
9	AQM	350	sg1009	82 Ho Hao Hon
10	ISO	300	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
11	AQP	450	sg1011	Cua hang xang dau goc VTS - Pasteur
12	ISO	400	sg1012	246B Pasteur
13	AQM	250	sg1016	Sai Gon Center
14	ISO	300	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
15	ISO	300	sg1018	Vo thi Sau - Truong Dinh
16	AQM	250	sg1019	7 Nguyen Thi Minh Khai
17	AQM	250	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
18	AQM	200	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M Khai
19	AQM	250	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
20	AQM	250	sg1023	2 Le Thanh Ton
21	AQM	250	sg1024	Le Thanh Ton - Ton Duc Thang
22	AQM	250	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
23	AQM	250	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
24	AQM	250	sg1029	Cong Truong Dan Chu
25	AQM	300	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
26	AQM	250	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
27	AQM	300	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
28	AQM	250	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
29	AQP	500	sg1036	165 Pasteur
30	ISO	400	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
31	AQM	250	sg1038	VTS - Nam Ky K Nghia (3F02B)
32	AQP	500	sg1039	Doi dien 246C Pasteur
33	AQM	250	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
34	AQM	150	sg1042	Le Loi - Nguyen Trung Truc
35	AQM	300	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
36	AQM	250	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
37	AQM	250	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

<i>STT</i>	<i>Hiệu</i>	<i>Cỡ</i>	<i>Mã vị trí</i>	<i>Vị trí</i>
38	AQM	200	cl2008	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 1

39	AQM	200	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
40	AQM	500	gd2010	2C Phan Dinh Phung , P2 PN
41	AQM	300	nb2008	Ben Van Don - Nguyen Khoai
42	AQM	300	nb2010	65 Ben Van Don
43	AQM	300	nb2011	90 Ben Van Don
44	AQM	300	pt2004	Hem 270 Ly Thai To
45	AQM	300	pt2005	DBP - Cao Thang
46	AQM	450	sg2002	198 Tran Quoc Thao (Cau L.V. Sy)
47	AQM	200	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
48	AQM	200	sg2005	Hem 166 Ly Thai To (3A02B)
49	AQM	150	sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)
50	AQM	250	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
51	AQM	600	sg2026	Nam ky khoi nghia - Cau Cong Ly
52	AQM	250	sg2027_3L11	CMT8 - Chan Hung (3L12)
53	ISO	100	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ KHÁCH HÀNG ĐƯỢC XEM LÀ ĐỒNG HỒ
TỔNG THUỘC TÀI SẢN BÊN A VÀ ĐƯỢC KHAI THÁC TRỰC TIẾP TRÊN
TÀI SẢN (TUYẾN ỐNG) CỦA TỔNG CÔNG TY (không có)**

PHỤ LỤC 3: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm Thông tư số 04/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Mức độ giám sát
I. Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ					
1.	Màu sắc ^(*)	TCU	15	TCVN 6185 - 1996 (ISO 7887 - 1985) hoặc SMEWW 2120	A
2.	Mùi vị ^(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan, hoặc SMEWW 2150 B và 2160 B	A
3.	Độ đục ^(*)	NTU	2	TCVN 6184 - 1996 (ISO 7027 - 1990) hoặc SMEWW 2130 B	A
4.	pH ^(*)	-	Trong khoảng 6,5-8,5	TCVN 6492:1999 hoặc SMEWW 4500 - H ⁺	A
5.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/l	300	TCVN 6224 - 1996 hoặc SMEWW 2340 C	A
6.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(*)	mg/l	1000	SMEWW 2540 C	B
7.	Hàm lượng Nhôm ^(*)	mg/l	0,2	TCVN 6657 : 2000 (ISO 12020 :1997)	B
8.	Hàm lượng Amoni ^(*)	mg/l	3	SMEWW 4500 - NH ₃ C hoặc SMEWW 4500 - NH ₃ D	B
9.	Hàm lượng Antimon	mg/l	0,005	US EPA 200.7	C
10.	Hàm lượng Asen tổng số	mg/l	0,01	TCVN 6626:2000 hoặc SMEWW 3500 - As B	B
11.	Hàm lượng Bari	mg/l	0,7	US EPA 200.7	C
12.	Hàm lượng Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric	mg/l	0,3	TCVN 6635: 2000 (ISO 9390: 1990) hoặc SMEWW 3500 B	C
13.	Hàm lượng Cadimi	mg/l	0,003	TCVN6197 - 1996 (ISO 5961 - 1994) hoặc SMEWW 3500 Cd	C
14.	Hàm lượng Clorua ^(*)	mg/l	250 300 ^(**)	TCVN6194 - 1996 (ISO 9297 - 1989) hoặc SMEWW 4500 - Cl ⁻ D	A
15.	Hàm lượng Crom tổng số	mg/l	0,05	TCVN 6222 - 1996 (ISO 9174 - 1990) hoặc SMEWW 3500 - Cr ⁺	C
16.	Hàm lượng Đồng tổng số ^(*)	mg/l	1	TCVN 6193 - 1996 (ISO 8288 - 1986) hoặc SMEWW 3500 - Cu	C
17.	Hàm lượng Xianua	mg/l	0,07	TCVN 6181 - 1996 (ISO 6703/1 - 1984) hoặc	C

				SMEWW 4500 - CN ⁻	
18.	Hàm lượng Florua	mg/l	1,5	TCVN 6195 - 1996 (ISO10359 - 1 - 1992) hoặc SMEWW 4500 - F ⁻	B
19.	Hàm lượng Hydro sunfur ^(*)	mg/l	0,05	SMEWW 4500 - S ²⁻	B
20.	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) ^(**)	mg/l	0,3	TCVN 6177 - 1996 (ISO 6332 - 1988) hoặc SMEWW 3500 - Fe	A
21.	Hàm lượng Chi	mg/l	0,01	TCVN 6193 - 1996 (ISO 8286 - 1986) SMEWW 3500 - Pb A	B
22.	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	0,3	TCVN 6002 - 1995 (ISO 6333 - 1986)	A
23.	Hàm lượng Thuỷ ngân tổng số	mg/l	0,001	TCVN 5991 - 1995 (ISO 5666/1-1983 - ISO 5666/3 - 1983)	B
24.	Hàm lượng Molybden	mg/l	0,07	US EPA 200.7	C
25.	Hàm lượng Niken	mg/l	0,02	TCVN 6180 - 1996 (ISO8288 - 1986) SMEWW 3500 - Ni	C
26.	Hàm lượng Nitrat	mg/l	50	TCVN 6180 - 1996 (ISO 7890 - 1988)	A
27.	Hàm lượng Nitrit	mg/l	3	TCVN 6178 - 1996 (ISO 6777-1984)	A
28.	Hàm lượng Selen	mg/l	0,01	TCVN 6183-1996 (ISO 9964-1-1993)	C
29.	Hàm lượng Natri	mg/l	200	TCVN 6196 - 1996 (ISO 9964/1 - 1993)	B
30.	Hàm lượng Sunphát ^(**)	mg/l	250	TCVN 6200 - 1996 (ISO9280 - 1990)	A
31.	Hàm lượng Kẽm ^(**)	mg/l	3	TCVN 6193 - 1996 (ISO8288 - 1989)	C
32.	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	2	TCVN 6186:1996 hoặc ISO 8467:1993 (E)	A
II. Hàm lượng của các chất hữu cơ					
a. Nhóm Alkan clo hoá					
33.	Cacbonetraclorua	µg/l	2	US EPA 524.2	C
34.	Diclorometan	µg/l	20	US EPA 524.2	C
35.	1,2 Dicloroetan	µg/l	30	US EPA 524.2	C
36.	1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	2000	US EPA 524.2	C
37.	Vinyl clorua	µg/l	5	US EPA 524.2	C
38.	1,2 Dicloroeten	µg/l	50	US EPA 524.2	C
39.	Tricloroeten	µg/l	70	US EPA 524.2	C
40.	Tetracloroeten	µg/l	40	US EPA 524.2	C
b. Hydrocacbia Thơm					
41.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/l	1	SMEWW 6420 B	B

42.	Benzen	µg/l	10	US EPA 524.2	B
43.	Toluen	µg/l	700	US EPA 524.2	C
44.	Xylen	µg/l	500	US EPA 524.2	C
45.	Etylbenzen	µg/l	300	US EPA 524.2	C
46.	Styren	µg/l	20	US EPA 524.2	C
47.	Benzo(a)pyren	µg/l	0,7	US EPA 524.2	B
c. Nhóm Benzen Clo hoá					
48.	Monoclorobenzen	µg/l	300	US EPA 524.2	B
49.	1,2 - Diclorobenzen	µg/l	1000	US EPA 524.2	C
50.	1,4 - Diclorobenzen	µg/l	300	US EPA 524.2	C
51.	Triclorobenzen	µg/l	20	US EPA 524.2	C
d. Nhóm các chất hữu cơ phức tạp					
52.	Di (2 - etylhexyl) adipate	µg/l	80	US EPA 525.2	C
53.	Di (2 - etylhexyl) phtalat	µg/l	8	US EPA 525.2	C
54.	Acrylamide	µg/l	0,5	US EPA 8032A	C
55.	Epiclohydrin	µg/l	0,4	US EPA 8260A	C
56.	Hexacloro butadien	µg/l	0,6	US EPA 524.2	C
III. Hoá chất bảo vệ thực vật					
57.	Alachlor	µg/l	20	US EPA 525.2	C
58.	Aldicarb	µg/l	10	US EPA 531.2	C
59.	Aldrin/Dieldrin	µg/l	0,03	US EPA 525.2	C
60.	Atrazine	µg/l	2	US EPA 525.2	C
61.	Bentazone	µg/l	30	US EPA 515.4	C
62.	Carbofuran	µg/l	5	US EPA 531.2	C
63.	Clodane	µg/l	0,2	US EPA 525.2	C
64.	Clorotoluron	µg/l	30	US EPA 525.2	C
65.	DDT	µg/l	2	SMEWW 6410B, hoặc SMEWW 6630 C	C
66.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	1	US EPA 524.2	C
67.	2,4 - D	µg/l	30	US EPA 515.4	C
68.	1,2 - Dicloropropan	µg/l	20	US EPA 524.2	C
69.	1,3 - Dichloropropen	µg/l	20	US EPA 524.2	C
70.	Heptaclor và heptaclor epoxit	µg/l	0,03	SMEWW 6440C	C
71.	Hexaclorobenzen	µg/l	1	US EPA 8270 - D	C
72.	Isoproturon	µg/l	9	US EPA 525.2	C
73.	Lindane	µg/l	2	US EPA 8270 - D	C
74.	MCPA	µg/l	2	US EPA 555	C
75.	Methoxychlor	µg/l	20	US EPA 525.2	C

76.	Methachlor	µg/l	10	US EPA 524.2	C
77.	Molinate	µg/l	6	US EPA 525.2	C
78.	Pendimetalin	µg/l	20	US EPA 507, US EPA 8091	C
79.	Pentaclorophenol	µg/l	9	US EPA 525.2	C
80.	Permethrin	µg/l	20	US EPA 1699	C
81.	Propanil	µg/l	20	US EPA 532	C
82.	Simazine	µg/l	20	US EPA 525.2	C
83.	Trifuralin	µg/l	20	US EPA 525.2	C
84.	2,4 DB	µg/l	90	US EPA 515.4	C
85.	Dichloprop	µg/l	100	US EPA 515.4	C
86.	Fenoprop	µg/l	9	US EPA 515.4	C
87.	Mecoprop	µg/l	10	US EPA 555	C
88.	2,4,5 - T	µg/l	9	US EPA 555	C
IV. Hoá chất khử trùng và sản phẩm phụ					
89.	Monocloramin	µg/l	3	SMEWW 4500 - Cl G	B
90.	Clo dư	mg/l	0,3 - 0,5	SMEWW 4500Cl hoặc US EPA 300.1	A
91.	Bromat	µg/l	25	US EPA 300.1	C
92.	Clorit	µg/l	200	SMEWW 4500 Cl hoặc US EPA 300.1	C
93.	2,4,6 Triclorophenol	µg/l	200	SMEWW 6200 hoặc US EPA 8270 - D	C
94.	Focmaldehyt	µg/l	900	SMEWW 6252 hoặc US EPA 556	C
95.	Bromofoc	µg/l	100	SMEWW 6200 hoặc US EPA 524.2	C
96.	Dibromoclorometan	µg/l	100	SMEWW 6200 hoặc US EPA 524.2	C
97.	Bromodiclorometan	µg/l	60	SMEWW 6200 hoặc US EPA 524.2	C
98.	Clorofoc	µg/l	200	SMEWW 6200	C
99.	Axit dicloroaxetic	µg/l	50	SMEWW 6251 hoặc US EPA 552.2	C
100.	Axit tricloroaxetic	µg/l	100	SMEWW 6251 hoặc US EPA 552.2	C
101.	Cloral hydrat (tricloroaxetaldehyt)	µg/l	10	SMEWW 6252 hoặc US EPA 8260 - B	C
102.	Dicloroaxetonitril	µg/l	90	SMEWW 6251 hoặc US EPA 551.1	C
103.	Dibromoaxetonitril	µg/l	100	SMEWW 6251 hoặc US EPA 551.1	C
104.	Tricloroaxetonitril	µg/l	1	SMEWW 6251 hoặc US EPA 551.1	C

105.	Xyano clorit (tính theo CN ⁻)	µg/l	70	SMEWW 4500J	C
V. Mức nhiễm xạ					
106.	Tổng hoạt độ α	pCi/l	3	SMEWW 7110 B	B
107.	Tổng hoạt độ β	pCi/l	30	SMEWW 7110 B	B
VI. Vi sinh vật					
108.	Coliform tổng số	Vi khuẩn/ 100ml	0	TCVN 6187 - 1,2 :1996 (ISO 9308 - 1,2 - 1990) hoặc SMEWW 9222	A
109.	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Vi khuẩn/ 100ml	0	TCVN6187 - 1,2 : 1996 (ISO 9308 - 1,2 - 1990) hoặc SMEWW 9222	A

Chú thích :

Tần suất kiểm tra, giám sát, xét nghiệm các chỉ tiêu thuộc mức độ A,B,C theo Thông tư số 50/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

1. Đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ A:
 - a) Xét nghiệm ít nhất 01 lần/01 tuần do cơ sở cung cấp nước thực hiện;
 - b) Kiểm tra, giám sát, xét nghiệm ít nhất 01 lần/01 năm do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện.
2. Đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ B:
 - a) Xét nghiệm ít nhất 01 lần/06 tháng do cơ sở cung cấp nước thực hiện;
 - b) Kiểm tra, giám sát, xét nghiệm ít nhất 01 lần/01 năm do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.
3. Đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ C:
 - a) Xét nghiệm ít nhất 01 lần/02 năm do cơ sở cung cấp nước thực hiện;
 - b) Kiểm tra, giám sát, xét nghiệm ít nhất 01 lần/02 năm do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Để thống nhất chung việc quản lý chất lượng nước trên toàn mạng lưới, các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chất lượng nước sau đây sẽ được kiểm tra hàng tháng, là cơ sở cho việc thanh toán tiền mua bán nước sạch giữa Bên A và Bên B:

MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

- | | |
|-----------|----------------------|
| 1. Độ đục | 5. Mangan |
| 2. Độ pH | 6. Sắt |
| 3. Clorua | 7. Coliform tổng số. |
| 4. Clo dư | |

**PHỤ LỤC 4: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN BẾN THÀNH KỶ .../...**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

<>

☉⊕☺

Số: _____/BB-TDNS-QLDHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN BẾN THÀNH KỶ .../...**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

a. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú	
1								
2								
...						
CỘNG								

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú	
1								
2								
...						
CỘNG								

b. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

c. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

1.
2.
3.

Ý kiến đề nghị:

.....
.....

ii. BÊN B

1.
2.
3.

Ý kiến đề nghị:

.....
.....

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....
.....

ii. BÊN B

1.
2.
3.

Ý kiến đề nghị:

d. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

1	(A1)	Lượng nước qua các ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
	(B1)	Lượng nước giảm trừ của các ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
	(S _{PL1})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) – (B1)		(m³)
2	(A2)	Lượng nước qua các ĐHT nêu tại PL2		(m ³)
	(B2)	Lượng nước giảm trừ của các ĐHT nêu tại PL2		(m ³)
	(S _{PL2})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL2: (A2) – (B2)		(m³)
		TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2})		(m³)

Bên B

Công ty CPCN Bến Thành

Ban GNKDT

Giám đốc

Bên A

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch

Đội QLĐHT

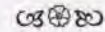
Giám đốc

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 5: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỶ ... NĂM ...

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

Nội dung	Đối với các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng	Đối với các đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng	Tổng cộng
Khối lượng nước mua bán (m^3)			
Đơn giá ($đ/m^3$)			
Thành tiền ($đ$)			
Thuế GTGT (5%) ($đ$)			
Số tiền phải thanh toán ($đ$)			

(Bằng chữ:)

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**